TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/DS-PT
Ngày: 10 - 5 - 2019
V/v tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Ông Bùi Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 và ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về "tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018, được sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 79/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Lệ H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Bị đơn: Chị Đào Thị Ngọc Đ, sinh năm 1980; đăng ký thường trú: Ấp x, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp x, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp x, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Ông Đặng Văn X, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp x, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người kháng cáo: Chị Trần Lệ H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Trần Lệ H trình bày là chị H có đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số x, x1 cùng tờ bản đồ số x, diện tích 2.902m^2 tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc thửa đất số x, x1 là do mẹ chị H là bà Phan Thị H1 (đã chết) nhận chuyển nhượng của ông Phạm Minh T vào năm 1992 và sau đó bà H1 đã cho chị H phần đất này. Do khi còn sống bà H1 cho chị H phần đất này, nên sau khi bà H1 chết chị H đã trực tiếp ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T và việc ông T chuyển quyền sử dụng đất thửa đất số x, x1 sang tên chị H chỉ chuyển tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận của hai thửa đất chứ không có đo đạc thực tế. Đồng thời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số x, x1 cho ông T trước đây cũng không có đo đạc thực tế.

Thửa đất x1 của chị H có chiều ngang giáp đường nhựa là 14m, đoạn trong giáp với phần đất ruộng của chị H. Từ trước đến nay, giữa thửa đất x, x1 của chị H với thửa đất x2, x3 của chị Đ có con mương lạng được chủ đất cũ của đất chị H đào và gia đình chị H có trồng một cây sao được khoảng 18 năm để làm ranh giới. Năm 2008, ông Đào Kim Q là cha của chị Đ có xây dựng hàng rào giáp đường nhựa và hai bên đã thống nhất ranh đất ngay vị trí hàng rào do ông Q xây dựng. Đến năm 2016, Nhà nước có chủ trương mở rộng lộ nông thôn (đường nhựa) nên chị H có đốn bỏ cây sao và gia đình ông Q tháo dở hàng rào mà ông Q đã xây dựng.

Vị trí phần đất của chị H, hướng đông giáp với đường nhựa (sông C), hướng tây giáp với đường đất, hướng nam giáp đất chị Đ và đất ông Đặng Cao K, hướng bắc giáp đất ông Phan Thanh T. Đến tháng 9/2017, chị Đ xây dựng hàng rào lấn qua phần đất của chị H ngang đầu ngoài giáp đường nhựa là 0,7m; đầu trong giáp đất ruộng của chị H là 0,3m, chiều dài là 248,5m, tổng diện tích đất lấn chiếm là 124,25m^2. Sau khi biết chị Đ làm hàng rào lấn chiếm qua đất của chị H, chị H có đề nghị chị Đ ngừng xây dựng hàng rào để xác định lại ranh đất nhưng chị Đ không đồng ý. Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải cơ sở nhưng không thành. Do vậy chị H khởi kiện yêu cầu chị Đ đập bỏ hàng rào và trả lại cho chị H phần đất lấn chiếm có diện tích 124,25m^2. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp là 55,8m^2, nên chị H yêu cầu chị Đ trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 55,8m^2 thuộc một phần của thửa đất số x, x1 cùng tờ bản đồ số x do chị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số x, x1 của chị H với thửa đất số x2, x3 của chị Đ là đường thẳng nối từ mốc 5 đến mốc 9 đến mốc 10 theo bản đồ trích đo và sơ đồ mốc tranh chấp ranh đất giữa chị H và chị Đ ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

Thửa đất x1 chị H đang sử dụng. Riêng thửa đất x chị H đang cho cá nhân ông Huỳnh Phú Nh thuê quyền sử dụng đất, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, hình thức thuê đất hàng năm. Chị H không yêu cầu đưa ông Nh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê đất giữa chị H với ông Nh. Trường hợp phát sinh tranh chấp hợp đồng thuê đất thì chị H và ông Nh sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa x, x1 chị H đang giữ.

Chị H thống nhất với bản đồ trích đo, sơ đồ mốc ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp; Biên bản định giá tài sản ngày 21/9/2018; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn Đào Thị Ngọc Đ trình bày là nguồn gốc thửa đất x2, x3 cùng tờ bản đồ số x đang tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với chị H là của ông bà nội chị Đ cho cha chị Đ là ông Đào Kim Q, cha của chị Đ đã tặng cho chị Đ và chị được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ cha chị Đ sang tên chị Đ chỉ chuyển tên trên giấy chứng nhận chứ không có đo đạc thực tế. Trước đây hai thửa đất này giáp với đất của ông Phạm Minh T và có con mương lạng, bờ ven hiện hữu làm ranh chung; lúc đó hai bên xác định ranh giới là con mương lạng, bờ ven hiện hữu và mỗi người ½ (phân nửa) con mương, ½ (phân nửa) bờ ven, đồng thời hai bên đã sử dụng đất ổn định. Sau đó ông T chuyển nhượng đất cho mẹ chị H, cha chị Đ và mẹ chị H cũng tôn trọng ranh giới đã được xác định mà không phát sinh tranh chấp. Khi đó giáp đường nhựa, cha chị Đ có làm hàng rào tạm trước căn nhà cũ và cách ranh giới đã xác định hơn 10m.

Năm 2016 chính quyền địa phương có chủ trương mở rộng lộ nông thôn (đường nhựa hiện nay) có vận động gia đình chị Đ di dời hàng rào cha chị Đ đã xây dựng trước đó, chị Đ đã di dời hàng rào và xây dựng hàng rào mới phía trong đất của chị Đ, khi chị Đ xây dựng lại hàng rào mới cũng lấy ranh giới mà hai bên đã sử dụng ổn định, nhưng chị H không có ý kiến, ngăn cản hay tranh chấp, mà đến năm 2018 chị H phát sinh tranh chấp ranh giới cho rằng gia đình chị Đ lấn chiếm đất của chị H.

Do trong quá trình sử dụng thửa đất số x2, x3 gia đình chị Đ luôn tôn trọng ranh giới đã được xác định, lấy con mương lạng và bờ ven làm ranh chung; mỗi người ½ con mương, ½ bờ ven và không có việc chị Đ lấn chiếm ranh giới như chị H trình bày. Nên việc chị H yêu cầu chị Đ di dời hàng rào và trả lại cho chị H phần đất lấn chiếm có diện tích 55,8m^2 và yêu cầu xác định ranh giới là đường thẳng nối từ mốc 5 đến mốc 9 đến mốc 10, chị Đ không đồng ý. Chị Đ yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất chị Đ với đất chị H là đường thẳng nối từ mốc 4 đến mốc 8 đến mốc 10.

Đối với hàng gáo trồng ở mí mương giáp với đất của chị Đ là do cha của chị Đ trồng từ năm 1985, có người làm chứng là ông Trần Văn Đ biết sự việc. Hàng gáo này gia đình chị Đ đã sử dụng từ năm 1985 đến nay không phát sinh tranh chấp với ông T (chủ đất trước của chị H), cũng như mẹ chị H lúc còn sống. Trường hợp hàng gáo, vật kiến trúc và tài sản khác của chị Đ lấn qua phần đất của chị H thì chị Đ sẽ tự nguyện tháo dỡ, đốn bỏ, di dời ra khỏi phần đất của chị H mà không yêu cầu chị H bồi thường thiệt hại.

Chị Đ thống nhất không yêu cầu đưa ông Nh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê đất giữa chị H với ông Nh trong vụ án này.

Chị Đ thống nhất với bản đồ trích đo, sơ đồ mốc ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp; Biên bản định giá tài sản ngày 21/9/2018; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa x2, x3 chị Đ đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để vay tiền. Ngân hàng Công thương có văn bản yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Đ thống nhất và không có ý kiến gì.

* Ông Trần Văn Đ trình bày là nguồn gốc đất của chị Đ đang tranh chấp với chị H là của ông Q, sau đó ông Q tặng cho con gái là chị Đ. Hàng gáo mà chị Đ trình bày trên là do ông Q trồng, lý do là trước và sau năm 1985 ông Q có nuôi trâu đi cày ruộng nên ông Q trồng hàng gáo để cột trâu. Là người dân sinh sống tại địa phương, nên ông Đ biết rõ sự việc này.

* Ông Đặng Văn X trình bày là ông X không có mối quan hệ họ hàng, không có mâu thuẫn gì với chị H và chị Đ. Từ năm 1982 đến năm 1992, ông X có công tác tại địa phương nên ông X biết con mương lạng mà chị H đang tranh chấp ranh giới với chị Đ thì ½ con mương lạng là ranh đất giữa ông T và ông Q, các bên đã lấy ½ con mương này làm ranh đất và sử dụng từ trước đến nay. Đồng thời ông X xác nhận hàng gáo mà chị Đ trình bày là do ông Q trồng trước và sau năm 1985 để cột trâu.

* Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam có văn bản yêu cầu không tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

* Anh Huỳnh Phú Nh có văn bản yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án trên với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2018/DS-ST ngày 14/11/2018, được sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Lệ H.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của chị Trần Lệ H là thửa số x, x1 với đất của chị Đào Thị Ngọc Đ là thửa x2, x3, cùng tờ bản đồ số x, tại ấp x, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được xác định là đoạn thẳng nối từ mốc 4 đến mốc 8 đến mốc 10.

Các đương sự được quyền sử dụng không gian, mặt đất và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu cây trồng, vật kiến trúc, tài sản của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dở, di dời, đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Lệ H và chị Đào Thị Ngọc Đ có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình theo đúng quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000619 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá: Chị Trần Lệ H phải chịu 5.118.616 đồng, số tiền này chị H đã nộp và thanh toán xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27/11/2018 chị Trần Lệ H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án số: 95/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo không rút kháng cáo, yêu cầu xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm và cung cấp bổ sung chứng cứ mới là tờ tường trình ngày 09/5/2019 của ông Trần Tấn C1 để Hội đồng xét xử xem xét (tờ tường trình được đánh máy vi tính, in trên giấy A4, nhưng không có chữ ký của ông C1 và cũng không được cơ quan có thẩm quyền chứng thực).

Bị đơn đồng ý theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là chồng nguyên đơn Trần Lệ H trình bày là thửa đất x, x1 tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, hiện chị H đứng tên quyền sử dụng đất là do mẹ chị H cho riêng chị H. Anh Phương không có quyền, lợi ích hợp pháp gì đối với hai thửa đất x, x1 mà chị H đang tranh chấp đất đai với chị Đ và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Anh Huỳnh Công C, sinh năm 1975 và cháu Huỳnh Công K, sinh năm 1999; đăng ký thường trú: Ấp x, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp x, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, là chồng và con của chị Đ trình bày là thửa đất x2, x3 tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, hiện chị Đ đứng tên quyền sử dụng đất là do cha chị Đ cho riêng chị Đ. Anh C và cháu K không có quyền, lợi ích hợp pháp gì đối với hai thửa đất x2, x3 mà chị Đ đang tranh chấp đất đai với chị H và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của chị Trần Lệ H, nhận thấy rằng việc chị H yêu cầu chị Đ trả lại diện tích 55,8m^2 đã lấn chiếm của chị H (phía ngoài giáp lộ nông thôn là 0,66m, phía trong giáp đất ruộng chị H là 0,37m) và yêu cầu xác định ranh giới về quyền sử dụng đất giữa đất chị H với đất chị Đ từ mốc 5 đến mốc 9 đến mốc 10 là chưa phù hợp. Bởi lẽ nguồn gốc đất của chị H thuộc thửa x, x1 cùng tờ bản đồ số x, tổng diện tích 2.902m^2, đo đạc thực tế 2.783,7m^2 (thiếu 118,3m^2 so với diện tích đất được cấp), đất tọa lạc tại xã B là do mẹ chị H nhận chuyển nhượng của ông Phạm Minh T, đã tặng cho chị H, phần đất này từ trước đến nay không đo đạc thực tế và không có xác định ranh giới cụ thể. Giáp đất chị H ở hướng nam là đất chị Đ, thuộc thửa x2, x3 cùng tờ bản đồ số x, tổng diện tích 6.554m^2, đo đạc thực tế 6.132,3m^2 (thiếu 411,7m^2 so với diện tích đất được cấp). Cả 04 thửa đất x, x1, x2, x3 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có đo đạc thực tế, đất của hai bên đều thiếu diện tích đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Phần đất có diện tích 55,8m^2 chị H đang tranh chấp chị Đ, thì gia đình chị Đ và chị Đ đã sử dụng ổn định từ năm 1975 đến nay, năm 1985 ông Q cha chị Đ có trồng gáo để buột trâu, không ai tranh chấp, hiện trạng đất chị H, chị Đ đang sử dụng không thay đổi và ông Đặng Văn X, Trần Văn Đ làm chứng nội dung này cho chị Đ. Năm 2017 chị Đ xây dựng hàng rào ngay vị trí ranh chung, có báo cho chị H biết nhưng chị H không tranh chấp, nay chị H trình bày đất chị H bị thiếu diện tích nên cho rằng chị Đ lấn chiếm diện tích đất 55,8m^2 đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại ranh giới giữa đất chị H với đất chị Đ từ mốc M5-M9-M10 nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh chị Đ lấn chiếm đất chị H để sử dụng, do vậy kháng cáo của chị H không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Lệ H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 03/10/2012, chị Trần Lệ H được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích 2.023m^2 và thửa đất số x1, tờ bản đồ số x, diện tích 879m^2. Qua đo đạc thực tế tổng diện tích đất của hai thửa x, x1 là 2.783,7m^2 và so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì thửa đất x, x1 thiếu diện tích đất 118,3m^2 (chưa bao gồm đất đang tranh chấp có diện tích 55,8m^2).

Ngày 22/9/2016, chị Đào Thị Ngọc Đ được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số x2, tờ bản đồ số x, diện tích 3.764m^2 và thửa đất số x3, tờ bản đồ số x, diện tích 2.780m^2. Qua đo đạc thực tế tổng diện tích đất của hai thửa x2, x3 là 6.132,3m^2 và so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì thửa đất x2, x3 thiếu diện tích đất 411,7m^2 (chưa bao gồm đất đang tranh chấp có diện tích 55,8m^2).

Chị H và chị Đ thừa nhận thửa đất số x, x1 của chị H với thửa đất x2, x3 của chị Đ là giáp ranh nhau; giữa hai phần đất có con mương lạng và bờ ven hiện hữu; chị H và chị Đ mỗi người đang sử dụng ½ con mương và ½ bờ ven hiện hữu; phần đất mà chị H đang tranh chấp ranh giới là ½ con mương lạng và ½ bờ ven hiện hữu mà chị Đ đang sử dụng và diện tích đất đang tranh chấp là 55,8m^2.

Nguồn gốc thửa đất số x và x1 của chị H là do chuyển nhượng của ông T, còn nguồn gốc thửa đất số x2 và x3 của chị Đ là do ông Q (là cha ruột của chị Đ) tặng cho. Chị H và chị Đ thừa nhận khi chuyển quyền sử dụng đất không có đo đạc thực tế mà chỉ xác định ranh giới quyền sử dụng đất đầu ngoài giáp đường nhựa là con mương lạng và đầu trong là bờ ven hiện hữu trên đất. Đồng thời chị H còn trình bày việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số x, x1 cho ông T trước đây cũng không có đo đạc thực tế; khi ông T chuyển nhượng đất cho mẹ chị H năm 1992 có xác định con mương lạng, bờ ven hiện hữu thuộc quyền sử dụng đất thửa x, x1 và một cạnh của thửa đất số x1 giáp đường nhựa có chiều dài 14m. Trong quá trình sử dụng đất chị Đ đã xây hàng rào và trồng cây lấn chiếm qua đất của chị H chiều ngang giáp lộ nông thôn 0,66m, chiều ngang giáp đất trồng lúa của chị H 0,37m và mốc ranh giới tiếp giáp đất ông K đã được chị H, chị Đ và ông K thống nhất, diện tích đất lấn chiếm là 55,8m^2 nên chiều ngang giáp đường nhựa hiện chỉ còn 13,21m và diện tích đất thực tế hiện nay của chị H thiếu diện tích đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Do vậy chị H yêu cầu chị Đ trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 55,8m^2 thuộc một phần của thửa đất số x, x1 cùng tờ bản đồ số x do chị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số x, x1 của chị H với thửa đất số x2, x3 của chị Đ là đường thẳng nối từ mốc 5 đến mốc 9 đến mốc 10 theo bản đồ trích đo và sơ đồ mốc tranh chấp ranh đất giữa chị H và chị Đ ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp. Chị Đ không đồng ý di dời tài sản để giao trả diện tích đất 55,8m^2 theo yêu cầu của chị H; chị Đ yêu cầu xác định ranh giới là đường thẳng nối từ mốc 4 đến mốc 8 đến mốc 10.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Lệ H là không có cơ sở, bởi vì:

- Đối với điểm mốc ranh giới phía giáp đường nhựa và phía giáp đất trồng lúa của chị H: Việc chị H trình bày khi chuyển nhượng đất của ông Tthì hướng đông thửa đất số x1 giáp đường nhựa có chiều dài là 14m và con mương lạng hiện nay thuộc thửa đất x1 của chị H, năm 2008 cha chị Đ có xây dựng hàng rào làm ranh giới ngay vị trí chị H xác định ranh đất, hàng rào mà chị Đ xây dựng năm 2017 đã lấn chiếm qua đất chị H chiều ngang giáp đường nhựa là 0,66m và chiều ngang giáp đất trồng lúa của chị H 0,37m, chiều dài từ đường nhựa đến đất trồng lúa của chị H là 72,13m, hàng gáo trên diện tích đất tranh chấp không ai trồng, mà tự mọc; sự việc người đại diện hợp pháp của chị H trình bày tại phiên tòa sơ thẩm trên đất tranh chấp có 01 cây gáo do ông Q trồng là không đúng, nhưng chị H không cung cấp chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H cung cấp tờ tường trình ngày 09/5/2019 của ông Trần Tấn C1 (là chủ sử dụng thửa đất x1 trước đây) với nội dung ông C1 có mảnh đất ngang giáp lộ nông thôn, sau đó bán lại cho ông Phan Thanh C1 chiều ngang 14m, còn lại 14m thì ông C1 bán lại cho ông H1, bà M1 và hiện nay phần đất này đã sang tên cho chị H; trên phần đất ông C1 bán cho ông H1, bà M1 hiện nay chị H đang sử dụng thì ông C1 có đào con mương giáp đất ông Q, con mương tiếp giáp lộ nông thôn chạy thẳng ra kênh lũy, con mương là do ông C1 đào và nằm trên phần đất của ông C1 để Hội đồng xét xử xem xét, nhưng tờ tường trình không có chữ ký của ông C1. Trong khi đó lời trình bày và chứng cứ của chị H cung cấp tại phiên tòa không được chị Đ thừa nhận, mà cho rằng trước đây cha chị H có xây dựng hàng rào tạm phía trước căn nhà cũ, nhưng xây dựng cách ranh đất hiện nay khoảng 10m và năm 2016 đã tháo dở hàng rào này để Nhà nước mở rộng lộ nông thôn, đầu năm 2017 chị Đ xây dựng hàng rào có báo cho chị H biết, nhà và đất chị H liền kề nhà và đất của chị Đ, nhưng chị H không ngăn cản hay tranh chấp mà đến năm 2018 mới khởi kiện cho rằng chị Đ lấn chiếm đất là không phù hợp; chị H không có căn cứ chứng minh tờ tường trình ngày 09/5/2019 mà chị H cung cấp là của ông C1, bởi vì không có chữ ký của ông C1, vả lại ông C1 bị tai biến không thể đi lại được, cũng không còn minh mẫn; đồng thời thửa đất x1 của chị H khi được cấp quyền sử dụng đất ngày 03/10/2012, chiều ngang giáp lộ nông thôn (hiện nay là đường nhựa) có chiều dài 11,91m. Người làm chứng là ông Trần Văn Đ, ông Đặng Văn X trình bày hàng gáo trên đất là do ông Q trồng khoảng năm 1985 để cột trâu và sử dụng cho đến nay; thời gian từ năm 1982 -1992, ông X có công tác tại địa phương nên biết ½ con mương lạng là ranh đất giữa đất ông T và ông Q trước đây, các bên đã lấy ½ con mương này làm ranh đất và sử dụng từ trước đến nay. Sự việc này cũng chứng minh phần đất chị Đ và chị H đứng tên quyền sử dụng và hiện đang tranh chấp đã sử dụng ổn định từ những năm 1975 đến nay, thời gian ông Q sử dụng thửa đất x2, x3 với các chủ sử dụng thửa đất x, x1 trước đây gồm ông T, mẹ chị H, đến chị H không phát sinh tranh chấp ranh giới, mà đến năm 2018 chị H phát sinh tranh chấp ranh giới với chị Đ. Từ những căn cứ trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm giữ nguyên hiện trạng mốc ranh giới ngay hàng rào tường (mốc số 4) và trụ tạm (mốc số 8) là có cơ sở, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm vị trí ranh giới này.

- Đối với điểm mốc ranh giới đã được chị H, chị Đ và ông K xác định: Tại phiên tòa phúc thẩm chị H và chị Đ thống nhất mốc ranh giới này (mốc số 10). Việc chị H yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất từ mốc 9 đến mốc 10 vì cho rằng chị Đ lấn chiếm chiều ngang từ mốc số 8 đến mốc số 9 là 0,37m, chiều dài từ mốc 9 đến mốc 10 là 108,51m. Yêu cầu này của chị H không được chị Đ thừa nhận và không đồng ý xác định ranh giới theo yêu cầu của chị H. Thực tế chị H không có chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó hình thể thửa đất x liền kề đất chị Đ là đường thẳng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh giới ngay mốc số 8 như đã phân tích trên là có cơ sở và đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, mốc số 10 đã được các đương sự thống nhất, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm vị trí ranh giới này.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Lệ H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không ghi nhận kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/9/2018 và sơ đồ mốc. Những nội dung này được Hội đồng xét xử phúc thẩm khắc phục, điều chỉnh trong bản án phúc thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/9/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận chưa đúng hướng các cạnh của phần đất tranh chấp, chưa thể hiện hết các chủ sử dụng đất liền kề với phần đất tranh chấp. Nội dung này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục bằng biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2019.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo của chị H không được chấp nhận, nên chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Do anh Nguyễn Thanh P, anh Huỳnh Công C, cháu Huỳnh Công K không yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Lệ H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 95/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Lệ H.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của chị Trần Lệ H thuộc thửa đất số x, x1 với đất của chị Đào Thị Ngọc Đ thuộc thửa x2, x3 cùng tờ bản đồ số x, đất tại ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đ, được xác định là đường thẳng nối từ mốc số 4 đến mốc số 8 đến mốc số 10.

Các đương sự được quyền sử dụng không gian, mặt đất và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu cây trồng, vật kiến trúc, tài sản của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dở, di dời, đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Lệ H và chị Đào Thị Ngọc Đ có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

(Kèm theo bản đồ trích đo, sơ đồ mốc ngày 14/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp).

3. Về án phí:

Chị Trần Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000619 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Chị Trần Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0001109 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Trần Lệ H phải chịu 5.118.616 đồng, số tiền này chị H đã nộp và thanh toán xong.

5. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2019 số tiền 200.000 đồng chị H phải chịu; nhưng chị H đã nộp và đã chi xong.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng GĐKTNV-THA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Lưu: VT, HS (Linh)

Nguyễn Thị Thúy Hằng